

# Những năm có “đuôi” 1 và kỳ vọng 2011

**TRẦN ĐÀO**

**Chúng ta đang bước vào năm 2011, nhân dịp này, xin điểm lại những năm có “đuôi” 1 trong 60 năm qua để cùng nhìn nhận kỹ hơn cho năm 2011 này.**

## CÁC NĂM CÓ “ĐUÔI” 1 TRƯỚC ĐÂY

*Hãy bắt đầu từ năm 1951-* cách đây 60 năm. Vào năm này có hai sự kiện lớn. Thứ nhất là bước chuyển chiến lược từ cầm cự sang Tổng phản công, để 4 năm sau, với chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, kết thúc cuộc kháng chiến lần thứ nhất. Bước chuyển biến chiến lược này đã gọi cho ta về bước chuyển vị thế giữa hai thập kỷ hiện nay: Chuyển từ nhóm nước có thu nhập thấp sang nhóm nước có thu nhập trung bình vào năm cuối của thập kỷ trước và cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào cuối thập kỷ tới. Sự kiện lớn thứ hai là Đảng Cộng sản Việt Nam ra hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam-một cái tên được duy trì cho đến ngày thống nhất đất nước, một cái tên gắn với cuộc Cách mạng Dân tộc Dân chủ.

*Năm 1961-* năm đầu tiên của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc, chắc chẳng mấy ai không nhớ về bài thơ nổi tiếng của nhà thơ Tố Hữu, với câu mở đầu “Chào 61 đỉnh cao muôn trượng”. Đây vừa là kế hoạch xây dựng thực sự đầu tiên (các kế hoạch trước là cải cách ruộng đất, khôi phục sau chiến tranh hoặc kế

hoạch cải tạo nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp), vừa là bước chuẩn bị các điều kiện vật chất và lực lượng cho cuộc kháng chiến lần thứ hai (hỗ trợ cho cuộc nổi dậy ở miền Nam và chống chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc 3 năm sau đó). Cụm từ “hậu phương lớn, tiền tuyến lớn” cũng xuất hiện từ giữa thập kỷ này.

*Năm 1971* mở đầu cho thập kỷ 70 với đặc điểm chuẩn bị cho việc kết thúc cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc, tổng tiến công và nổi dậy ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước. Các vấn đề kinh tế của kế hoạch trong những năm này cũng tập trung cho các mục tiêu trên.

*Năm 1981* có một số đặc điểm đáng lưu ý. Đây là năm mở đầu

của Kế hoạch 5 năm đầu tiên sau khi đất nước thống nhất và có hoà bình thực sự bởi mặc dù đất nước thống nhất đã từ 5 năm trước đó, nhưng một mặt phải giải quyết hậu quả chiến tranh và chia cắt lâu dài trước đó, mặt khác lại xảy ra hai cuộc chiến tranh (biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc). Cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp kéo dài, với tư duy nôn nóng, ham đầu tư lớn, chưa coi trọng nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, lương thực là trọng điểm số một; chính sách tài chính- tiền tệ sai lầm lấy lạm phát trị lạm phát, cộng hưởng với sự hụt hẫng về vốn đầu tư, về thị trường tại Liên Xô, Đông Âu, sự bao vây cấm vận của Mỹ đã làm cho cuộc khủng hoảng kinh tế- xã hội phát sinh, bùng phát trong suốt thập kỷ này. Từ thực tế ở cơ sở



*Bác Hồ đang cùng bà con nông dân thử nghiệm máy cấy mới ở ngoại thành Hà Nội năm 1961*

công thương nghiệp, nông nghiệp, tư tưởng đổi mới đã le lói xuất hiện (được thể hiện ở Nghị quyết 6 năm 1979 và Chỉ thị 100 năm 1981) và được nâng lên thành đường lối đổi mới tại Đại hội 6 năm 1986.

Năm 1991, nhờ đổi mới ở trong nước, mở cửa hội nhập với nước ngoài với phương châm đa dạng hoá, đa phương hoá, Việt Nam đã dần thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội ở trong nước, bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm 1991-1995, chiến lược ổn định và phát triển kinh tế- xã hội 10 năm 1991-2000. Tăng trưởng kinh tế trong thời kỳ 1991-2000 đã đạt 7,56%, cao nhất trong các thập kỷ cho đến nay, trong đó thời kỳ 1992-1997 đạt mức khá cao (8,77%/năm). Nếu không bị tác động bởi cuộc khủng hoảng tài chính-tiền tệ khu vực năm 1997-1998, làm cho tăng trưởng kinh tế bị sụt giảm (năm 1998 còn 5,76%, năm 1999 còn 4,77%), thì tốc độ tăng trưởng của thập kỷ này còn cao hơn nữa. Lạm phát trong thời kỳ này cũng đã giảm nhanh từ trên 67%/năm năm 1990-1991 xuống còn 0,1% năm 1999 và năm 2000, lần đầu tiên sau nhiều năm đã giảm 0,6%.

Năm 2001, đất nước đã thoát khỏi tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính-khu vực (cuộc khủng hoảng thứ 2) bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm 2001-2005 và Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2001-2010. Trong thập kỷ này công cuộc đổi mới ở trong nước tiếp tục được đẩy nhanh với sự ra đời và phát triển của kinh tế tư nhân và công cuộc mở cửa hội nhập với Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ và gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Tuy nhiên, Việt Nam đã bị tác động bởi 2 cuộc khủng hoảng. Cuộc khủng hoảng thứ ba xuất phát từ cuộc khủng hoảng chu



Năm 2011 sẽ có nhiều thách thức với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô

kỳ cộng hưởng với sự kiện 11/9/2001 ở Mỹ, đã làm cho tăng trưởng kinh tế của Việt Nam 3 năm từ 2000 đến 2002 chỉ quanh quẩn ở mức trên dưới 6,9% (năm 2000 tăng 6,8%, năm 2001 tăng 6,9%, năm 2002 tăng 7,08%). Cuộc khủng hoảng thứ tư rộng lớn hơn cũng xuất phát từ Mỹ tiềm ẩn từ cuối năm 2007, bùng phát vào cuối 2008 và kéo dài cho đến 2009, đã tác động đến Việt Nam trên nhiều mặt. Tăng trưởng kinh tế bị sụt giảm (năm 2008 tăng 6,31%, năm 2009 xuống còn 5,32%). Lạm phát tăng cao (2007 tăng 12,63%, năm 2008 tăng 19,89%). Tăng trưởng xuất khẩu năm 2009 lần đầu tiên sau nhiều năm mang dấu âm. Nhập siêu lớn (năm 2007 là 14,2 tỷ USD, năm 2008 lên 18 tỷ USD, năm 2009 gần 12,9 tỷ USD).

**NĂM 2011**

2011 là năm đầu tiên sau khi Việt Nam chuyển vị thế từ nước thu nhập thấp sang nước có thu nhập trung bình, cũng là năm vừa thoát khỏi tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái toàn cầu, tiến tới phục hồi. Trong hai nhóm mục tiêu là tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô, Chính

phủ đã lựa chọn mục tiêu là ổn định kinh tế vĩ mô, đồng thời cũng đưa ra mục tiêu tăng trưởng cao hơn.

Ổn định kinh tế vĩ mô được chọn vừa xuất phát từ hiện trạng của các quan hệ này trong năm 2010, vừa xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững. Các quan hệ cân đối kinh tế vĩ mô có nhiều, ở đây chủ yếu đề cập đến 3 quan hệ cân đối chủ yếu là lạm phát, bội chi ngân sách và cán cân thanh toán.

Lạm phát là một “đỉnh” quan trọng trong tứ giác mục tiêu: Tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp và cán cân thanh toán. Theo mục tiêu năm 2011, lạm phát được kiểm chế ở mức dưới 7%. Đây là con số thấp hơn nhiều năm trước và có thể chấp nhận được do phải thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao lên. Để kiểm chế lạm phát, phải thực hiện các giải pháp cơ bản, lâu dài, tiềm ẩn từ gốc là nâng cao hiệu quả đầu tư, nâng cao năng suất lao động... Bên cạnh đó, cần điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, áp dụng tỷ giá, lãi suất phù hợp theo nguyên tắc theo nguyên tắc thị

(xem tiếp trang 31)

trong thị trường vốn; quản lý chặt việc cung ứng tín dụng và sử dụng phương tiện thanh toán của tất cả các nhóm ngân hàng, kể cả các ngân hàng có nhân tố nước ngoài; tiến tới khuyến khích các dòng ngoại tệ chảy vào Việt Nam chỉ được đi qua thị trường ngoại hối và thị trường trái phiếu Chính phủ, mà không cho phép đi qua thị trường tín dụng; tăng cường mở chi nhánh và/hoặc mở ngân hàng 100% vốn Việt tại nước ngoài để vừa phát triển thị trường dịch vụ ngân hàng ra nước ngoài, vừa đáp ứng nhanh nhất các nhu cầu tiền đồng ngay từ ngoài biên giới lãnh thổ cho khách vào đầu tư hay du lịch tại Việt Nam;...

*Trên thị trường BDS, chỉ nên đáp ứng tín dụng trung và dài hạn*

cơ bản bằng nguồn vốn có độ dài tương ứng qua thị trường chứng khoán/hoặc qua các cơ chế chuyên nghiệp như ngân hàng đầu tư, ngân hàng phát triển, Công ty tài chính, Quỹ đầu tư... độc lập hoặc hạch toán độc lập trong NHTM. Để thực hiện được cần phải có cơ chế minh bạch cho phòng ngừa, kiểm soát rủi ro. Trong điều kiện thị trường chứng khoán Việt Nam còn yếu, giải pháp hữu hiệu lúc này cho vấn đề giảm rủi ro tín dụng BDS chính là: Ngay trong các NHTM lớn nên thành lập các đơn vị hạch toán độc lập như ngân hàng đầu tư, ngân hàng phát triển, Công ty tài chính,... để thực hiện các hoạt động dịch vụ và tự doanh chuyên nghiệp về lĩnh vực BDS.

*Trên thị trường chứng khoán, để*

ngiht Chính Phủ có chính sách buộc mọi doanh nghiệp cổ phần đều phải lên sàn, từng bước dẹp bỏ thị trường IPO không chính thức hay IPO khép kín nội bộ. Để chống pha loãng cổ phiếu, mọi doanh nghiệp cổ phần chỉ được phép phát hành cổ phiếu bổ sung khi và chỉ khi có phương án tăng qui mô sản lượng sản xuất kinh doanh minh bạch và tổng số vốn cần huy động bổ sung buộc phải huy động dưới đồng thời 2 hình thức với tỷ lệ tương đương nhau, gồm: cổ phiếu và tỷ lệ trái phiếu trung, dài hạn ghi danh cho phép thanh toán trước hạn và được ghi rõ vào trái phiếu theo qui định bằng Pháp luật... Trái phiếu được quyền thanh toán trước hạn loại này là để bảo vệ quyền lợi cho nhà đầu tư trên thị trường thứ cấp. □

## Những năm có “đuôi” 1 và kỳ vọng cho 2011

(tiếp theo trang 27)

trường, tăng tổng phương tiện thanh toán phù hợp với các chỉ tiêu vĩ mô, phối hợp chính sách tài khoá với chính sách tiền tệ; tăng cường quản lý giá đối với hàng hoá, dịch vụ độc quyền; thực hiện cơ chế giá thị trường; sử dụng linh hoạt công cụ thuế để bình ổn giá xăng dầu,... Tuy nhiên, sức ép tăng giá trên thế giới cùng với sức ép tăng tỷ giá có thể gia tăng.

*Bội chi ngân sách* hiện là vấn đề lớn, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội cho rằng, tỷ lệ bội chi ngân sách so với GDP ở mức không quá 5%. Trên cơ sở tỷ lệ bội chi ngân sách so với GDP đã được giảm từ 6,6% GDP năm 2009 xuống còn khoảng 6% năm 2010, Chính phủ đã đề nghị mục tiêu năm 2011 đưa xuống còn 5,5%, với nhiều giải pháp (như chống thất thu; giảm tỷ trọng đầu tư từ ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ, rà soát danh mục đầu tư của Nhà nước, tập trung vốn cho các dự án cơ sở

hạ tầng quan trọng đã đủ thủ tục đầu tư và đang là những “nút thắt” cản trở sự phát triển,...). Dự thảo Văn kiện Đại hội XI đã đề ra tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách thời kỳ 2011- 2015 còn 22- 23% (năm 2005 là 27,2%, năm 2006 là 28,7%, năm 2007 là 27,6%, năm 2008 là 28,1%) để khoan thư sức dân, nuôi dưỡng nguồn thu và với sự sút giảm tỷ trọng thu từ dầu thô, thu từ hải quan, thu từ viện trợ không hoàn lại,...

*Cải thiện cán cân thanh toán* là mối quan tâm hàng đầu hiện nay của Chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô. Sự quan tâm này xuất phát từ nhập siêu hàng hoá còn lớn, nhập siêu dịch vụ cũng không nhỏ, lượng ngoại tệ vào Việt Nam từ các nguồn còn hạn chế, dự trữ ngoại hối còn ở dưới mức an toàn 12 tuần nhập khẩu, sức ép tăng tỷ giá vẫn còn cao,... Trong khi đó, cán cân thanh toán, có số dư là một trong những

“đỉnh” quan trọng của “tứ giác mục tiêu” (tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp, cán cân thanh toán). Để cải thiện cán cân thanh toán, Chính phủ đã đưa ra 11 giải pháp, như đẩy mạnh xuất khẩu, quản lý tốt nhập khẩu; khai thác thị trường truyền thống, phát triển thị trường mới; chuyển dịch cơ cấu đầu tư, ứng dụng công nghệ cao, ít tiêu hao năng lượng; tăng hàm lượng nội địa và giá trị gia tăng xuất khẩu; áp dụng hàng rào kỹ thuật phù hợp với cam kết; chống buôn lậu và gian lận thương mại; tiết kiệm; vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam; thu hút giải ngân nhanh ODA, FII; giám sát, phân tích dự báo dòng vốn FII; thu hút khách du lịch, kiều hối. Tuy nhiên, các giải pháp trên phải được thực hiện một cách đồng bộ và quyết liệt, trong đó việc thay đổi vị thế nhập siêu phải được thực hiện quyết liệt nhất, phải thực hiện đồng bộ ngay từ khâu sản xuất (cơ cấu, công nghiệp phụ trợ, hiệu quả sản xuất,...). □